

Bài giảng 12:

Giá trị kinh tế của tiền lương và đất đai

Thẩm định Đầu tư Công

Học kỳ Hè, 2018

Giảng viên: Đỗ Thiên Anh Tuấn

(Có bổ sung từ bài giảng các năm trước)

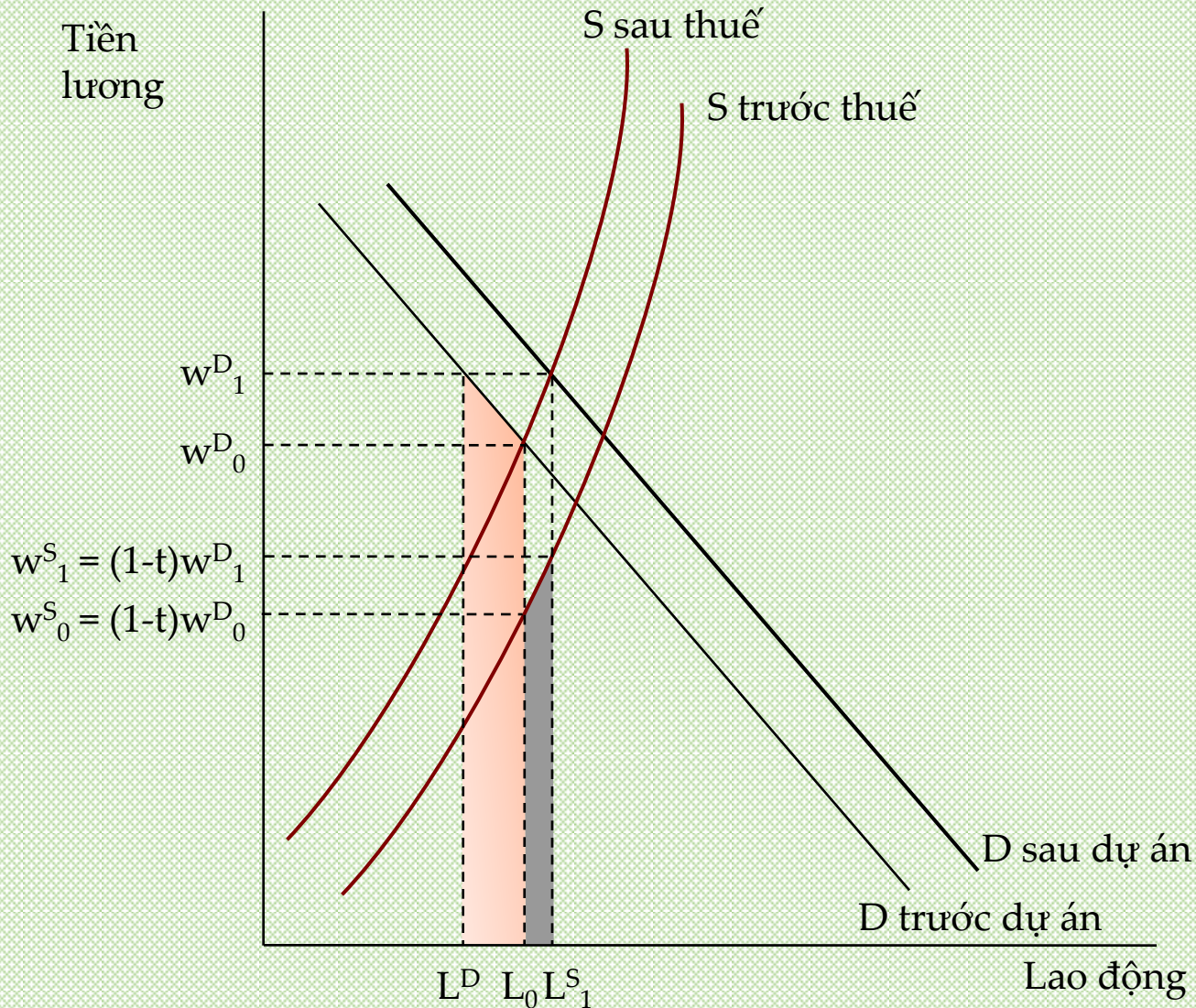
Vấn đề tiền lương trong thâm định dự án

- Trong thâm định dự án, tiền lương là chi phí (tức là ngân lưu ra trong mô hình chiết khấu ngân lưu)
 - Tiền lương trong chi phí đầu tư
 - Tiền lương trong chi phí vận hành, quản lý, bảo trì
- Tiền lương tài chính: tiền lương dự án thực trả cho lao động (trước thuế thu nhập cá nhân và bao gồm cả bảo hiểm xã hội, y tế và các khoản phụ cấp)
- Tiền lương kinh tế (shadow wage rate, SWR) là chi phí cơ hội của lao động khi việc thực hiện dự án đòi hỏi phải sử dụng lao động. Tiền lương kinh tế phụ thuộc vào:
 - Giá cung của lao động (tức là tiền lương mà người lao động nhận được sau thuế thu nhập cá nhân)
 - Giá cầu của lao động (tức là tiền lương trước thuế thu nhập cá nhân mà người sử dụng lao động chi trả)

Tiền lương kinh tế đối với lao động có kỹ năng trong thị trường lao động cạnh tranh

- Tiền lương kinh tế bằng bình quân trọng số của giá cung và giá cầu của lao động.
 - Tính gần đúng, tiền lương kinh tế bằng trung bình cộng của giá cung và giá cầu của lao động
 - $SWR = 0,5(w^S + w^D)$
- Giá cung của lao động, w^S
 - Về lý thuyết, w^S là tiền lương để người lao động làm căn cứ trong việc đánh đổi giữa làm việc và nghỉ ngơi
 - Về mặt ước lượng thực tiễn, w^S là tiền lương sau thuế mà người lao động nhận được.
- Giá cầu của lao động, w^D
 - Về lý thuyết, w^D là giá trị năng suất biên của lao động
 - Về mặt ước lượng thực tiễn, w^D là tiền lương thị trường trước thuế mà người sử dụng lao động trả.

Đồ thị minh họa giá trị kinh tế của lao động trong thị trường cạnh tranh và có thuế thu nhập cá nhân



Tiền lương kinh tế của lao động không kỹ năng

- Nguồn cung lao động không có kỹ năng cho dự án là từ lao động nông thôn hay lao động phi chính thức ở thành thị với cả hai nơi này có tỷ lệ thiếu dụng lao động đáng kể.
- Đường cung lao động được giả định là nằm ngang (tức là co giãn hoàn toàn).
- Tiền lương kinh tế (SWR) bằng giá cung của lao động và bằng tiền lương mà lao động không có kỹ năng nhận được từ hoạt động nông nghiệp hay kinh tế phi chính thức trước khi chuyển sang làm cho dự án.
- Thông thường, để thu hút lao động không kỹ năng, dự án thường trả lương tài chính (w^f) cao hơn mức lương mà lao động không có kỹ năng nhận được từ công việc trước đây.
- Hệ số tiền lương kinh tế (shadow wage rate factor, SWRF)

$$SWRF = SWR/w^f$$

Ngoại tác sử dụng lao động

- Ngoại tác LE_i là khoản chênh lệch giữa chi phí cơ hội của lao động ($EOCL_i$) với mức tiền lương mà dự án trả cho lao động (Wp_i)

$$LE_i = Wp_i - EOCL_i$$

- Độ lớn của ngoại tác:

$LE_i = f(\text{loại lao động, tình trạng lao động, thuế thu nhập, bảo hiểm thất nghiệp, di cư lao động...})$

Hai cách tiếp cận tính chi phí cơ hội kinh tế của lao động

- Giá trị năng suất biên của lao động bỏ qua
 - Tiền lương bao gồm cả thuế thu được từ công việc mà người lao động đang làm cho dự án hiện tại.
- Giá cung của lao động
 - Tiền lương bao gồm cả thuế trên thị trường (giá cung) cần có để thu hút đủ lao động với mức kỹ năng nhất định đến làm việc cho dự án.

So sánh hai phương pháp

Dự án hiện tại: Trồng lúa (r)	Dự án thay thế: Trồng bưởi (o)
Tiền lương $W_r = 200.000$ VNĐ/ngày Chi phí sinh hoạt $C_r = 60.000$ VNĐ/ngày Giá trị sở thích vị trí $S_r = 0$	$W_o = 150.000$ VNĐ/ngày $C_o = 30.000$ VNĐ/ngày $S_o = 20.000$ VNĐ/ngày

- **Tiếp cận theo năng suất biên:**

$$\begin{aligned} \text{EOCL} &= \text{Tiền lương trước đây} - \text{Thay đổi chi phí sinh hoạt} - \text{Sở thích của người lao động} \\ &= W_r - (C_r - C_o) - S_o = 200.000 - (60.000 - 30.000) - 20.000 = 150.000 \end{aligned}$$

- **Tiếp cận theo giá cung:**

$$\text{EOCL} = W_o = 150.000$$

Cấu trúc phân tích

- Loại hình lao động (phổ thông vs. kỹ năng)
- Biến thiên theo vùng và di cư của lao động
- *Di cư quốc tế*
- *Loại công việc (ổn định vs. tạm thời)*
- *Loại thị trường lao động (có bảo hộ vs. không bảo hộ)*

Chi phí cơ hội của lao động nông thôn không kỹ năng

- Tính đồng nhất cao hơn lao động có kỹ năng
- “Năng suất biên bị bỏ qua”?
- Tiền lương thị trường làm thước đo hiệu dụng cho giá trị của năng suất biên bị bỏ qua của lao động không kỹ năng
- Cách tiếp cận giá cung:

$EOCL = W^s =$ giá cung của lao động không kỹ năng

- Chi phí kinh tế của lao động qua nhiều mùa vụ:

$$EOCL = \sum_{t=1}^n (K_t W_t)$$

Chi phí cơ hội kinh tế lao động kỹ năng

- Tính đồng nhất thấp hoặc thậm chí là có tính đặc trưng
- Nhiều dự án bị trì hoãn vì không đảm bảo đủ cung lao động có kỹ năng
- Để thu hút cần có mức lương cao hơn và phúc lợi tốt hơn
- Phân tích 3 trường hợp:
 - Không có biến dạng thị trường lao động, điều kiện lao động tương đồng các dự án khác, không cần thu hút lao động ngoài vùng
 - Dự án thu hút lao động chuyên từ vùng/dự án khác và có biến dạng thị trường lao động
 - Việc làm kéo dài ít hơn 1 năm

Thị trường lao động không có biến dạng hay di cư giữa các vùng

- Chi phí kinh tế của lao động bằng với mức lương thị trường ở địa phương (W), tức là giá cung (W^S)

$$EOCL = W = W^S$$

Người lao động nhập cư theo dự án từ những thị trường lao động khu vực biến dạng

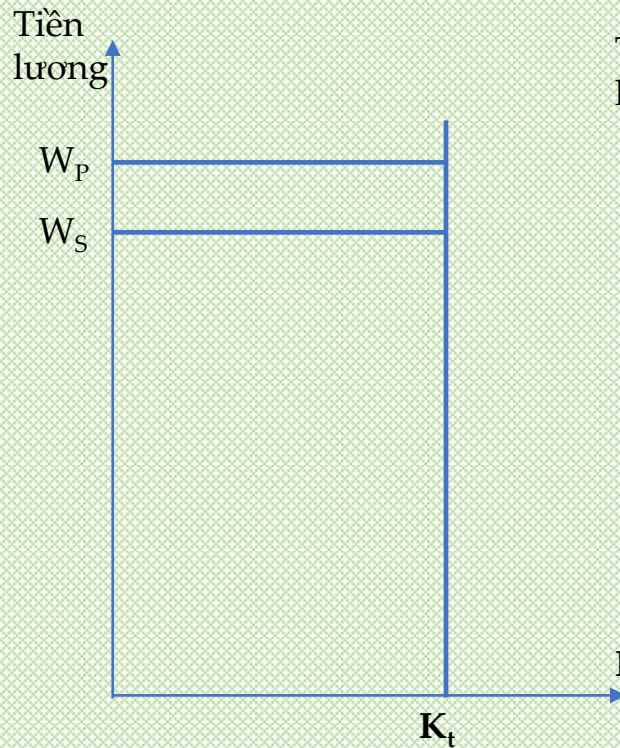
- EOCL bằng giá cung gồm cả thuế của những người lao động được thu hút đến vùng này trừ đi khoản chênh lệch giữa thuế thu nhập mà người lao động sẽ đóng trên giá cung lao động gồm cả thuế ($W_g^S T$) – là khoản thu ngân sách của chính phủ, và thuế thu nhập mà người lao động đã đóng trước đây tại nơi làm việc khác ($K^D W_a T$) - là khoản thất thu ngân sách của chính phủ.

$$EOCL = W_g^S - (W_g^S T - K^D W_a T)$$

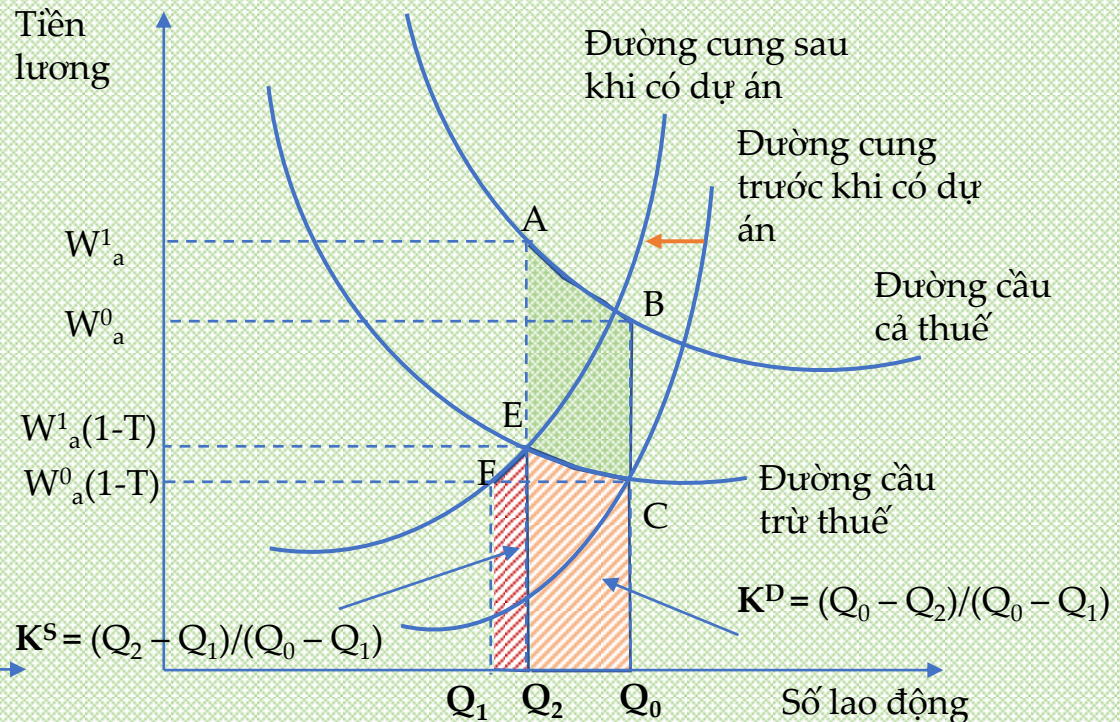
Trong đó,

- K^D = Tỷ phần cầu lao động của dự án thu hút từ các nguồn việc làm khác có chịu thuế ở thị trường lao động khác
- W_a = Tiền lương lao động gồm cả thuế từ các nguồn việc làm khác
- W_g^S = Giá cung lao động gồm cả thuế
- T = Thuế suất thuế thu nhập của lao động ở tất cả các vùng

Tương tác vùng giữa các thị trường lao động có kỹ năng



Lao động dự án cần tuyển



Thị trường của lao động có kỹ năng của vùng ra đi

Ví dụ

- Dự án sử dụng lao động kỹ năng
- Lao động trong vùng không đủ nên phải thu hút lao động vùng khác đến
 - Lao động vùng khác đang được trả khoản lương chưa trừ thuế: 900.000 VNĐ $\Rightarrow W_a$
 - Lao động này sẽ không làm việc cho dự án nếu mức lương thấp hơn (gồm cả thuế): 1.200.000 VNĐ $\Rightarrow W_g^s$
- Chính phủ có chính sách khuyến khích lao động di cư sang làm việc cho dự án với mức lương $(W_p) = 1.500.000$ VNĐ
- Thuế thu nhập 20%
- $K^D = 0,9 \Rightarrow 90\%$ nhu cầu lao động của dự án sẽ dịch chuyển từ nơi khác đến (giảm sút lượng cầu lao động)
- $K^S = 0,1 \Rightarrow 10\%$ nhu cầu lao động của dự án sẽ được đáp ứng bằng sự tham gia thêm vào lực lượng lao động do tiền lương cao hơn của dự án.

Ví dụ (tt)

- Tiền thuế phải đóng trên giá cung lao động:

$$W_g^{ST} = 1.200.000 * 20\% = 240.000 \text{ VNĐ}$$

- Tiền thuế bị bỏ qua ở những việc làm khác:

$$K^D W_a T = 0,9 * 900.000 * 20\% = 162.000 \text{ VNĐ}$$

- Chi phí cơ hội kinh tế của lao động:

$$EOCL = W_g^S - (W_g^{ST} - K^D W_a T) = 1.122.000 \text{ VNĐ}$$

Chi phí cơ hội kinh tế của lao động nếu có các dòng di cư quốc tế: *(xem thêm tài liệu)*

$$EOCL = W_g^S(1 - T) + K^D W_a T + K_f R(E^e/E^m - 1)$$

Trong đó,

- K^D = Tỷ phần cầu dự án đối với một loại lao động nhất định có nguồn gốc từ những việc làm chịu thuế trên thị trường nội địa.
- K_f = Tỷ phần cầu dự án với một loại lao động nhất định có nguồn gốc từ sự sụt giảm dòng di trú ra nước ngoài.
- R = Lượng kiều hối trung bình (tính bằng nội tệ) có thể đã nhận được trong mỗi kỳ nếu loại lao động này được thuê mướn ở nước ngoài.
- E^e = Tỷ giá hối đoái kinh tế
- E^m = Tỷ giá hối đoái thị trường
- $(E^e/E^m - 1)$ = Tỷ lệ phần trăm khoản phí chênh lệch ngoại hối trên lượng kiều hối lẽ ra đã được gửi về nước.

Chi phí cơ hội kinh tế của lao động nước ngoài: (*xem tài liệu*)

$$EOCL^F = W^F(1 - T_h) - W^F(1 - T_h)(1 - R)t_{VAT} + W^F(1 - T_h)R(E^e/E^m - 1) + N$$

Trong đó,

- W^F = Tiền lương gồm cả thuế của lao động người nước ngoài
- T_h = Thuế thu nhập cá nhân nước chủ nhà đánh trên lao động người nước ngoài.
- t_{VAT} = Thuế giá trị gia tăng trên tiêu dùng
- R = Tỷ lệ thu nhập sau thuế mà lao động người nước ngoài gửi về nước
- E^e = Tỷ giá hối đoái kinh tế
- E^m = Tỷ giá hối đoái trên thị trường
- N = Giá trị của những phúc lợi mà lao động người nước ngoài nhận được từ các ưu đãi trợ cấp

Chi phí cơ hội kinh tế của lao động khi lao động không được thuê trọn thời gian: (*xem tài liệu*)

$$EOCL = P_p W_g^S - (P_p W_g^S T - K^D P_a W_a T)$$

Trong đó,

- P_p = Khoảng thời gian làm việc cho dự án. Nếu làm việc dưới 1 năm $\Rightarrow P_p < 1$
- P_a = Khoảng thời gian làm việc khác ngoài dự án.

Giá trị kinh tế của đất đai

- Đất là hàng phi ngoại thương với đường cung hoàn toàn không co giãn.
- Đất sử dụng cho dự án được lấy từ đất sử dụng cho mục đích khác.
- Chi phí kinh tế của đất sử dụng cho dự án bằng giá trị kinh tế do đất đó tạo ra khi sử dụng cho mục đích hiện tại mà sẽ mất đi khi thực hiện dự án.
- Công thức tính:

$$V = R_0 / (k - g)$$

- Giá trị kinh tế của đất: V
- Giá trị hàng năm do đất tạo ra đối với mục đích hiện tại R_0
- Tốc độ tăng trưởng giá trị hàng năm trong tương lai: g
- Chi phí vốn: k

Tác động của khu vực có bảo hộ lên chi phí cơ hội kinh tế của lao động: (xem tài liệu)

- Một khu vực bảo hộ: $\eta = \infty$

